

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày: 18/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy

2. Ông Lâm Thành Thông

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-DS ngày 22/01/2025 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Trụ sở tại: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Nguyễn Văn G – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B.

Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1971, địa chỉ: A Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Đoàn Tố Q, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: B ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/01/2024 bà Nguyễn Đoàn Tố Q có đơn đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B cấp thẻ tín dụng cho bà Q, qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng và tình hình tài chính, thu nhập của khách hàng nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn

Đoàn Tố Q theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 09/01/2024. Loại thẻ: Easy Card, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 10.000.000 đồng, mục đích: tiêu dùng, lãi suất: 33,2%/năm. Thời hạn sử dụng thẻ là 05 năm và thẻ tự động gia hạn thời gian sử dụng.

Hàng tháng khách hàng phải thanh toán 5% dư nợ đầu kỳ (chốt dư nợ đầu kỳ ngày 22 tây hàng tháng), Ngân hàng sẽ cho khách hàng 25 ngày để thanh toán. Nếu khách hàng phát sinh trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối thiểu 80.000) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó. Nếu khách hàng không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền thanh toán tối thiểu sau 02 kỳ chốt thông báo giao dịch cộng 10 ngày thẻ sẽ chuyển sang nợ nhóm 2. Từ thời điểm chuyển nhóm 2 nếu khách hàng không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu của 2 kỳ chốt giao dịch sau thời gian 90 ngày thẻ sẽ chuyển nợ nhóm 3 và chốt toàn bộ dư nợ thành vốn gốc, lãi phát sinh sau khi chuyển nhóm 3 sẽ bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Đoàn Tố Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 22/01/2024 đến ngày 22/06/2024 bà Nguyễn Đoàn Tố Q thanh toán tổng cộng 1.844.109 đồng. Do không thực hiện đúng theo cam kết là không thanh toán phần vốn, lãi cho Ngân hàng nên toàn bộ nợ của khoản vay trên của khách hàng đã chuyển sang quá hạn. Căn cứ khoản 5.7 Điều 5 trách nhiệm thanh toán đối với thẻ tín dụng Phụ lục Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì bà Nguyễn Đoàn Tố Q đã vi phạm hợp đồng khi không thanh toán thẻ tín dụng dẫn đến khoản vay thẻ tín dụng bị quá hạn nên Ngân hàng đình chỉ thẻ tín dụng nêu trên. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Đoàn Tố Q phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng nêu trên tính đến ngày 18/4/2025 là 14.477.393 đồng, bao gồm vốn gốc: 11.617.467 đồng, lãi trong hạn: 1.906.617 đồng, lãi quá hạn: 953.309 đồng và Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 19/4/2025 đến khi bà Nguyễn Đoàn Tố Q trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bà Nguyễn Đoàn Tố Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà Q không đến Tòa án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) cấp thẻ tín dụng cho và Nguyễn Đoàn Tố Q theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 09/01/2024 với hạn mức 10.000.000 đồng, do bà Q vi phạm

nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Q phải trả số tiền nợ, yêu cầu của Ngân hàng được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Q có nơi cư trú tại B ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Đoàn Tố Q đã được án triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Nguyễn Đoàn Tố Q trả số tiền nợ vay.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện để yêu cầu bà Q trả toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 18/4/2025 là 14.477.393 đồng, bao gồm vốn gốc: 11.617.467 đồng, lãi trong hạn: 1.906.617 đồng, lãi quá hạn: 953.309 đồng và Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng từ ngày 19/4/2025 đến khi bà Nguyễn Đoàn Tố Q trả hết nợ cho Ngân hàng, chứng cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 09/01/2024. Xét về hình thức, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 09/01/2024 do đại diện Ngân hàng xác lập với bà Q vào thời điểm yêu cầu cấp thẻ tại Ngân hàng, Hội đồng xét thấy, hình thức giao dịch này phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự. Xét về nội dung, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 09/01/2024 thể hiện bà Q yêu cầu cấp thẻ tín dụng hình thức là vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vay 10.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ 05 năm với mức lãi suất là 33,2%/năm, do đó có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Ngân hàng và bà Q là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 22/01/2024 đến ngày 22/06/2024 bà Nguyễn Đoàn Tố Q thanh toán tổng cộng 1.844.109 đồng, sau đó không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Q trả nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ theo quy định tại Điều 5.7 của giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 09/01/2024 áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng chốt nợ đến ngày 28/10/2024 với số tiền 11.617.467 đồng là phù hợp. Căn cứ vào tóm tắt sao kê tính lãi ngày 18/4/2025 do Ngân hàng cung cấp và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy, tính đến ngày 18/4/2025, bà Q còn nợ số tiền nợ gốc của thẻ tín dụng là 11.617.467 đồng và số tiền lãi theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 09/01/2024 gồm lãi trong hạn 1.906.617 đồng, lãi quá hạn 953.309 đồng.

Đối với phần tiền lãi Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng từ ngày 19/4/2025 đến khi bà Q trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định

tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Q không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà Q không có mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía Ngân hàng, bà Q phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà Q phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 724.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 119, Điều 345 và Điều 463 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Buộc bà Nguyễn Đoàn Tố Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 18/4/2025 theo giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 09/01/2024 là 14.477.393 (mười bốn triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi ba) đồng, bao gồm vốn gốc: 11.617.467 (mười một triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy) đồng, lãi trong hạn: 1.906.617 (một triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm mười bảy) đồng, lãi quá hạn: 953.309 (chín trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm lẻ chín) đồng.

Kể từ ngày 19/4/2025, bà Nguyễn Đoàn Tố Q có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Đoàn Tố Q phải nộp là 724.000 (bảy trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo biên lai thu số 0005599 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B..

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi